

Bản án số: 1174 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2023

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

2- Ông Huỳnh Văn Bé

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệu- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 432/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 322/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Trường T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 199A, đường H, ấp 5, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 62C, đường N, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 17/02/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Trường T trình bày: Ông với bà Nguyễn Thị Kim T tìm hiểu quen nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 123/2013, ngày 17/10/2013. Sau kết hôn, vợ chồng ông bà sống tại nhà ông, cuộc sống vợ chồng tạm ổn định và bà lần lượt sinh 02 con chung vào năm 2013, 2019. Tuy nhiên, sau đó cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, thường mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng và phát triển kinh tế. Đỉnh điểm mâu thuẫn là vào tháng 11/2021, bà T đã dẫn 02 con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ông bà đã ly thân từ đó đến nay. Tháng 03/2023, ông nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, sau khi bà T đến

Toà án thì tháng 06/2023, bà T đem 02 con về nhà cho ông trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến nay. Hiện vợ chồng ông không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Thảo N, sinh ngày 26/7/2013 và Phạm Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 15/11/2019. Hai con chung hiện đang sống cùng với ông, ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác định không có tài sản chung.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Trích lục Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 02 Bản sao khai sinh con chung; 02 Căn cước công dân (photo) của nguyên đơn, bị đơn; Sổ hộ khẩu của nguyên đơn, bị đơn (photo), Giấy cam kết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T theo nội dung bản tự khai cung cấp Toà án trình bày: Bà thống nhất như trình bày của ông T về quá trình đăng ký kết hôn và quá trình sống chung giữa các bên. Bà thừa nhận cuộc sống vợ chồng bà mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn, đình đám bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 11/2021. Nguyên nhân là do ông T rượu chè, không quan tâm vợ con, bà không đi làm được vì phải lo chăm sóc 02 con nhưng mọi việc đều phải theo ý của ông T nên cả 02 bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ. Nay bà không thể tiếp tục sống chung với ông T được nữa nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Thọ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Thảo N, sinh ngày 26/7/2013 và Phạm Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 15/11/2019. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng cho 02 trẻ mỗi trẻ là 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Căn cước công dân (photo) của bị đơn, Bản tự khai.

Toà án đã thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà bà T đều vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử; tại phiên Tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con hôn” được quy định tại khoản 1 khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bà Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Trường T với bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 123, ngày 17/10/2013 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà T là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của cả hai thì mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân là do vợ chồng ông bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng và phát triển kinh tế gia đình. Đỉnh điểm mâu thuẫn, bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 11/2021 cho đến nay. Cả hai cũng đã ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Tại bản tự khai nộp cho Tòa án bà T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T, tuy nhiên cả hai có tranh chấp về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Bà T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Tòa án đã thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng bà T cũng không đến. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông Thọ với bà Thu không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Thảo N, sinh ngày 26/7/2013 và Phạm Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 15/11/2019. Trước khi Tòa án mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án thì bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ và có yêu cầu cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ là 3.000.000đ/tháng, tuy nhiên ông T không đồng ý cấp dưỡng. Sau đó, bà T đã mang 02 con chung đem về cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 06/2023 cho đến nay. Tại

phiên toà, ông T yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Công văn trả lời xác minh ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C đã xác định: “Hiện 02 con chung đang sống cùng với cha (ông T) tại xã B, huyện C.. Qua xác minh thực tế hoàn cảnh gia đình ông T; ông T đang làm việc tại Trung tâm quản lý điều hành giao thông đô thị thuộc sở giao thông Thành phố Hồ Chí Minh, tại thành phố T, làm theo ca. Thu nhập đủ nuôi 02 con. Khi anh T đi làm vắng nhà có thuê người thân chăm sóc 02 bé; có nhà riêng gần nhà nội. Kết luận: Ông T đủ điều kiện tiếp tục nuôi dưỡng 02 con”. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của 02 trẻ, xét thấy cần giao 02 trẻ cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự cùng xác định không có nên Tòa án không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Các đương sự cùng xác định không có nên Tòa không xem xét.

Về phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án; xét thấy, đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; cần buộc ông Thọ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Trường T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Trường T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T. Giấy chứng nhận kết hôn số 123, ngày 17/10/2013 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông T, bà T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nguyễn Thảo N, sinh ngày 26/7/2013 và Phạm Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 15/11/2019. Ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự cùng xác định không có, Tòa án không xem xét.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Các đương sự cùng xác định không có, Tòa án không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc ông Phạm Trường T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001126 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí phí dân sự dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã B, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan